



ĐỀ THI mô phỏng
Chứng chỉ khai Hải quan

2027

Môn: Pháp luật Hải quan





CỤC HẢI QUAN
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ
NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ SỐ 01
MÔN PHÁP LUẬT HẢI QUAN

Câu 1: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được xác định là loại thuế nào?

- A. Thuế trực thu.
- B. Thuế gián thu.
- C. Thuế tài sản.
- D. Thuế thu nhập.

Câu 2: Nội dung nào sau đây không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu?

- A. Đối tượng chịu thuế.
- B. Người nộp thuế.
- C. Thuế chống bán phá giá.
- D. Thuế thu nhập cá nhân.

Câu 3: Phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý thuế bao gồm hoạt động quản lý đối với:

- A. Chỉ các loại thuế
- B. Chỉ các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước
- C. Các loại thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước
- D. Chỉ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Câu 4. Khái niệm thuế giá trị gia tăng theo Luật Thuế GTGT số 48/2004/QH15 được hiểu là gì?

- A. Thuế đánh vào toàn bộ giá trị của hàng hóa khi nhập khẩu.
- B. Thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.
- C. Thuế đánh vào lợi nhuận của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.
- D. Thuế đánh trực tiếp vào thu nhập của người tiêu dùng.



Câu 5: Thuế GTGT thuộc loại thuế nào sau đây?

- A. Thuế trực thu.
- B. Thuế tài sản.
- C. Thuế gián thu.
- D. Thuế xuất khẩu.

Câu 6: Thuế bảo vệ môi trường là loại thuế nào?

- A. Thuế trực thu
- B. Thuế gián thu
- C. Thuế tài sản
- D. Thuế thu nhập

Câu 7: Yếu tố nào sau đây không phải là một trong những mục tiêu chủ yếu của thuế bảo vệ môi trường?

- A. Tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước
- B. Hạn chế việc sử dụng sản phẩm gây tác động xấu đến môi trường
- C. Khuyến khích lựa chọn sản phẩm ít gây tác động xấu đến môi trường
- D. Bảo đảm doanh nghiệp luôn có lợi nhuận cao hơn

Câu 8: Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) được hiểu là:

- A. Thuế trực thu áp dụng đối với tất cả hàng hóa, dịch vụ.
- B. Thuế gián thu áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ nhất định.
- C. Thuế trực thu chỉ áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu.
- D. Thuế gián thu áp dụng đối với mọi hàng hóa xuất khẩu.

Câu 9: Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của thuế TTĐB?

- A. Đối tượng chịu thuế được lựa chọn.
- B. Là thuế gián thu.
- C. Áp dụng đối với tất cả hàng hóa, dịch vụ trong nền kinh tế.
- D. Có tính điều tiết cao.

Câu 10: “Hải quan” được hiểu trên hai phương diện cơ bản nào?

- A. Cơ quan thu thuế và cơ quan kiểm dịch
- B. Cơ quan quản lý nhà nước và một lĩnh vực quản lý nhà nước
- C. Cơ quan tư pháp và cơ quan hành pháp
- D. Cơ quan thương mại và cơ quan logistics



Câu 11: Luật Hải quan chủ yếu điều chỉnh vấn đề nào sau đây?

- A. Chỉ điều chỉnh quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế
- B. Chỉ điều chỉnh hoạt động thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu
- C. Các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình quản lý nhà nước về hải quan và tổ chức, hoạt động của Hải quan
- D. Chỉ điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp xuất nhập khẩu

Câu 12: Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan được hiểu là hành vi:

- A. Có lỗi của cá nhân hoặc tổ chức, vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan và luôn bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- B. Có lỗi của cá nhân hoặc tổ chức, vi phạm quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định phải bị xử phạt hành chính.
- C. Chỉ do doanh nghiệp thực hiện và gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước.
- D. Bao gồm các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Câu 13: Đâu không phải là hoạt động có thể phát sinh vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan?

- A. Khai hải quan.
- B. Giám sát hải quan.
- C. Quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
- D. Hoạt động xét xử của Tòa án.

Câu 14: Trường hợp nào sau đây thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu?

- A. Hàng hóa quá cảnh qua Việt Nam.
- B. Hàng hóa chuyển khẩu.
- C. Hàng hóa xuất khẩu từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan.
- D. Hàng hóa viện trợ nhân đạo.

Câu 15: Công ty A tại Việt Nam bán hàng cho một doanh nghiệp chế xuất nằm trong khu phi thuế quan. Chiều di chuyển của hàng hóa này được xem xét theo chiều nào?

- A. Chiều nhập khẩu.
- B. Chiều xuất khẩu.
- C. Không phải xuất khẩu cũng không phải nhập khẩu.
- D. Chỉ là hoạt động mua bán nội địa.



Câu 16: Trong lĩnh vực Hải quan, Luật Quản lý thuế đặc biệt chú ý đến hoạt động quản lý thuế đối với:

- A. Hàng hóa sản xuất trong nước
- B. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và hàng hóa quá cảnh
- C. Chỉ hàng hóa nhập khẩu
- D. Chỉ hàng hóa xuất khẩu

Câu 17: Cơ quan quản lý thuế bao gồm:

- A. Chỉ cơ quan Thuế
- B. Chỉ cơ quan Hải quan
- C. Cơ quan Thuế và cơ quan Hải quan
- D. Cơ quan Thuế, Hải quan và Kho bạc Nhà nước

Câu 18. Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện chịu thuế GTGT, ai là người nộp thuế GTGT tại khâu nhập khẩu?

- A. Người bán hàng ở nước ngoài.
- B. Người vận chuyển hàng hóa.
- C. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa.
- D. Người tiêu dùng cuối cùng tại Việt Nam.

Câu 19. Phát biểu nào sau đây là đúng về hàng hóa nhập khẩu và thuế GTGT?

- A. Mọi hàng hóa nhập khẩu đều phải nộp thuế GTGT.
- B. Chỉ hàng hóa nhập khẩu có trị giá trên một mức nhất định mới chịu thuế GTGT.
- C. Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì người nhập khẩu thực hiện nghĩa vụ thuế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- D. Hàng hóa nhập khẩu chỉ chịu thuế GTGT nếu đồng thời chịu thuế nhập khẩu.

Câu 20: Để xác định một hàng hóa có thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường hay không, bước đầu tiên cần thực hiện là gì?

- A. Xác định giá bán của hàng hóa
- B. Xác định doanh thu của doanh nghiệp
- C. Đối chiếu hàng hóa với danh mục đối tượng chịu thuế
- D. Xác định lợi nhuận của doanh nghiệp



Câu 21: Luật thuế bảo vệ môi trường quy định bao nhiêu nhóm hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế?

- A. 5 nhóm
- B. 6 nhóm
- C. 7 nhóm
- D. 8 nhóm

Câu 22: Nhóm nào sau đây thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB?

- A. Thuốc lá, rượu, bia.
- B. Gạo, muối, nước uống thông thường.
- C. Sách giáo khoa, vở học sinh.
- D. Tất cả các loại thực phẩm.

Câu 23: Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB khi có:

- A. Dung tích xi lanh từ 50 cm^3 trở lên.
- B. Dung tích xi lanh trên 100 cm^3 .
- C. Dung tích xi lanh trên 125 cm^3 .
- D. Dung tích xi lanh từ 150 cm^3 trở lên.

Câu 24: Đối tượng quản lý nhà nước về hải quan bao gồm nhóm nào dưới đây?

- A. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh
- B. Chỉ hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu
- C. Chỉ phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh
- D. Hàng hóa lưu thông hoàn toàn trong nội địa

Câu 25: Nhóm nào sau đây không phải là một trong bốn nhóm đối tượng áp dụng của Luật Hải quan?

- A. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh
- B. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan
- C. Cơ quan Hải quan và công chức Hải quan
- D. Chỉ các doanh nghiệp nhà nước hoạt động xuất nhập khẩu



Câu 26: Tiêu chí quan trọng để phân biệt vi phạm hành chính với tội phạm là:

- A. Người thực hiện hành vi là cá nhân hay tổ chức.
- B. Hàng hóa có giá trị cao hay thấp.
- C. Mức độ nguy hiểm cho xã hội và việc hành vi đã đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm hay chưa.
- D. Hành vi có liên quan đến thuế hay không.

Câu 27: Khi phát hiện một hành vi trong lĩnh vực hải quan có dấu hiệu của tội phạm và thuộc trường hợp phải xử lý hình sự, cơ quan có thẩm quyền:

- A. Luôn phải xử phạt hành chính trước rồi mới chuyển hồ sơ.
- B. Có thể lựa chọn giữa xử phạt hành chính và xử lý hình sự.
- C. Không được dùng xử phạt hành chính để thay thế việc xử lý hình sự trong trường hợp pháp luật yêu cầu xử lý hình sự.
- D. Chỉ cần yêu cầu doanh nghiệp nộp tiền phạt.

Câu 28: Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của khu phi thuế quan?

- A. Nằm trong lãnh thổ Việt Nam.
- B. Có ranh giới địa lý xác định.
- C. Có hàng rào cứng ngăn cách với khu vực bên ngoài.
- D. Không chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan Hải quan.

Câu 29: Công ty A nhập khẩu máy móc từ Nhật Bản vào Việt Nam. Nếu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế, ai là người nộp thuế trong trường hợp thông thường?

- A. Cơ quan Hải quan.
- B. Người bán tại Nhật Bản.
- C. Công ty A – chủ hàng hóa nhập khẩu.
- D. Hãng vận chuyển.

Câu 30: Công chức quản lý thuế bao gồm:

- A. Chỉ công chức thuế
- B. Chỉ công chức Hải quan
- C. Công chức thuế và công chức Hải quan
- D. Công chức thuế, công chức Hải quan và công chức Kho bạc



Câu 31: Doanh nghiệp A nhập khẩu hàng hóa và thuê một đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện khai báo. Trong trường hợp này, việc đại lý thực hiện khai báo có làm chuyển toàn bộ nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp A sang đại lý hay không?

- A. Có, vì đại lý là người trực tiếp khai báo
- B. Có, nếu hai bên có hợp đồng dịch vụ
- C. Không, việc ủy quyền không đương nhiên làm mất trách nhiệm thuế của người nộp thuế
- D. Có, nếu cơ quan Hải quan chấp nhận tờ khai

Câu 32. Công ty A nhập khẩu một lô máy móc từ nước ngoài. Hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Ai là người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT tại khâu nhập khẩu?

- A. Công ty nước ngoài bán máy móc.
- B. Công ty vận tải quốc tế.
- C. Công ty A.
- D. Cơ quan Hải quan.

Câu 33. Phát biểu nào sau đây phản ánh đúng sự khác biệt giữa “thuế suất GTGT 0%” và “không chịu thuế GTGT”?

- A. Hai khái niệm hoàn toàn giống nhau.
- B. Hàng hóa chịu thuế suất 0% không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thuế GTGT.
- C. Hàng hóa không chịu thuế GTGT vẫn được coi là hàng hóa chịu thuế với thuế suất 0%.
- D. Hàng hóa áp dụng thuế suất 0% vẫn thuộc phạm vi điều chỉnh của thuế GTGT, trong khi hàng hóa không chịu thuế thuộc trường hợp pháp luật xác định không chịu thuế.

Câu 34: Loại hàng hóa nào sau đây thuộc nhóm xăng, dầu, mỡ nhờn nhưng không thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định?

- A. Nhiên liệu bay
- B. Dầu diesel
- C. Etanol
- D. Dầu mazut



Câu 35: Một doanh nghiệp sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường. Doanh nghiệp sử dụng một phần sản phẩm để tiêu dùng nội bộ. Lượng hàng hóa tiêu dùng nội bộ có được đưa vào số lượng hàng hóa tính thuế không?

- A. Không, vì không phát sinh doanh thu
- B. Không, vì không có hoạt động bán hàng
- C. Có
- D. Chỉ có nếu hàng hóa được xuất kho bán cho khách hàng

Câu 36: Nước giải khát thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB khi đáp ứng điều kiện nào sau đây?

- A. Có hàm lượng đường từ 3g/100ml trở lên.
- B. Có hàm lượng đường trên 5g/100ml và thuộc tiêu chuẩn TCVN.
- C. Có hàm lượng đường trên 10g/100ml, không cần xét TCVN.
- D. Tất cả nước giải khát đều chịu thuế TTĐB.

Câu 37: Trường hợp nào sau đây thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB theo nội dung chuyên đề?

- A. Hàng hóa chịu thuế được sản xuất trong nước và bán trong nước.
- B. Hàng hóa thuộc diện chịu thuế nhưng được sản xuất và trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài.
- C. Hàng hóa nhập khẩu để bán trong nước.
- D. Dịch vụ karaoke kinh doanh tại Việt Nam.

Câu 38: Nguyên tắc nào yêu cầu Hải quan Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo mô hình trong đó Hải quan cấp dưới chịu sự quản lý, chỉ đạo của Hải quan cấp trên?

- A. Nguyên tắc công khai, nhanh chóng, thuận tiện
- B. Nguyên tắc phối hợp
- C. Nguyên tắc tập trung, thống nhất
- D. Nguyên tắc hiện đại hóa



Câu 39: Nội dung nào sau đây không thuộc các hoạt động của quản lý rủi ro hải quan ?

- A. Thu thập và xử lý thông tin
- B. Xây dựng tiêu chí
- C. Phân loại mức độ rủi ro
- D. Kiểm tra thực tế tất cả các lô hàng không phân biệt mức độ rủi ro

Câu 40: Doanh nghiệp nhập khẩu khai trị giá hàng hóa là 100.000 USD, nhưng qua kiểm tra xác định trị giá phải là 120.000 USD. Sai phạm này có thể đồng thời dẫn đến:

- A. Chỉ sai trị giá hải quan, không liên quan đến thuế.
- B. Sai trị giá hải quan và có thể dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.
- C. Chỉ phát sinh trách nhiệm hình sự.
- D. Chỉ phát sinh vi phạm về chính sách quản lý hàng hóa.

Câu 41: Phát biểu nào sau đây đúng về tiền phạt và tiền thuế thiếu?

- A. Nộp tiền phạt đồng nghĩa với hoàn thành nghĩa vụ thuế.
- B. Tiền thuế thiếu chính là tiền phạt hành chính.
- C. Tiền phạt và tiền thuế thiếu là hai khoản có bản chất khác nhau.
- D. Khi đã nộp đủ thuế thiếu thì không thể bị xử phạt.

Câu 42: Một doanh nghiệp ủy quyền cho đại lý làm thủ tục hải quan nộp thuế xuất khẩu thay mình. Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Đại lý trở thành chủ hàng hóa.
- B. Đại lý đương nhiên trở thành người sở hữu hàng hóa.
- C. Đại lý có thể nộp thuế thay theo ủy quyền nhưng không trở thành chủ hàng.
- D. Đại lý không được phép thực hiện việc nộp thuế thay trong bất kỳ trường hợp nào.

Câu 43: Công ty A nhập khẩu một lô hàng thuộc diện không chịu thuế. Sau đó, công ty thay đổi mục đích sử dụng khiến hàng hóa chuyển sang đối tượng chịu thuế theo quy định. Trong trường hợp này:

- A. Không phát sinh người nộp thuế vì ban đầu hàng hóa không chịu thuế.
- B. Người có hàng hóa thuộc trường hợp chuyển sang chịu thuế thuộc nhóm người nộp thuế theo quy định.
- C. Cơ quan Hải quan trở thành người nộp thuế.
- D. Người bán nước ngoài trở thành người nộp thuế.



Câu 44: “Tiền thuế nợ” được hiểu là:

- A. Số tiền thuế được miễn nhưng chưa xử lý
- B. Số tiền thuế người nộp thuế phải nộp nhưng chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước
- C. Số tiền thuế người nộp thuế đã nộp thừa
- D. Số tiền phạt vi phạm hành chính về thuế

Câu 45: Hồ sơ hải quan có mối quan hệ như thế nào với hồ sơ thuế?

- A. Hai loại hồ sơ hoàn toàn độc lập
- B. Hồ sơ hải quan không liên quan đến hồ sơ thuế
- C. Hồ sơ hải quan là một bộ phận của hồ sơ thuế
- D. Hồ sơ thuế là một bộ phận của hồ sơ hải quan trong mọi trường hợp

Câu 46. Một doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu máy móc từ một nước thành viên FTA và đủ điều kiện hưởng thuế nhập khẩu 0%. Hàng hóa vẫn thuộc diện chịu thuế GTGT với thuế suất 10%. Nhận định nào sau đây đúng?

- A. Thuế nhập khẩu 0% nên thuế GTGT cũng bằng 0%.
- B. Do thuế nhập khẩu bằng 0%, doanh nghiệp không phải xác định thuế GTGT.
- C. Thuế nhập khẩu 0% không đồng nghĩa với thuế GTGT 0%; doanh nghiệp vẫn phải xác định và nộp thuế GTGT theo quy định.
- D. Thuế GTGT được xác định bằng 0% vì hàng hóa có xuất xứ FTA.

Câu 47. Đối với hàng hóa nhập khẩu, yếu tố nào sau đây có thể là thành phần của giá tính thuế GTGT?

- A. Thuế nhập khẩu.
- B. Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- C. Thuế thu nhập cá nhân của người nhập khẩu.
- D. Tiền lương của nhân viên doanh nghiệp nhập khẩu.

Câu 48: Trường hợp nào sau đây không chịu thuế bảo vệ môi trường?

- A. Hàng hóa thuộc Điều 3 được bán để tiêu thụ tại Việt Nam
- B. Hàng hóa thuộc Điều 3 được vận chuyển quá cảnh qua Việt Nam
- C. Hàng hóa thuộc Điều 3 được nhập khẩu để tiêu thụ trong nước
- D. Hàng hóa thuộc Điều 3 được sử dụng nội bộ tại Việt Nam



Câu 49: Công ty A ủy thác cho Công ty B nhập khẩu một lô hàng thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường. Ai là người nộp thuế bảo vệ môi trường?

- A. Công ty A – bên ủy thác
- B. Công ty B – bên nhận ủy thác
- C. Hai công ty cùng nộp thuế
- D. Người bán hàng ở nước ngoài

Câu 50: Công ty A sản xuất bia. Công ty B mua bia của A với mục đích ban đầu là xuất khẩu. Tuy nhiên, B không xuất khẩu mà bán toàn bộ số bia này tại thị trường Việt Nam, người nộp thuế TTĐB trong trường hợp này là:

- A. Công ty A.
- B. Công ty B.
- C. Người tiêu dùng cuối cùng.
- D. Cơ quan hải quan.

Câu 51: Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thời điểm xác định thuế TTĐB là:

- A. Thời điểm hàng hóa cập cảng Việt Nam.
- B. Thời điểm hàng hóa được đưa về kho doanh nghiệp.
- C. Thời điểm doanh nghiệp thanh toán tiền cho người bán.
- D. Thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

Câu 52: Nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với Luật Hải quan thì nguyên tắc áp dụng nào được thực hiện?

- A. Luôn áp dụng Luật Hải quan
- B. Luôn áp dụng pháp luật của nước xuất khẩu
- C. Áp dụng quy định của điều ước quốc tế
- D. Do doanh nghiệp tự lựa chọn

Câu 53: Theo nội dung Luật số 11/2026/QH16, khái niệm “quản lý tuân thủ” có thể được khái quát bằng công thức nào?

- A. Kiểm tra + xử phạt + cưỡng chế
- B. Theo dõi + đánh giá + hỗ trợ + áp dụng biện pháp quản lý theo mức độ tuân thủ
- C. Khai báo + nộp thuế + thông quan
- D. Kiểm tra + giám sát + kiểm soát + điều tra



Câu 54: Chủ thể vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan có thể bao gồm:

- A. Chỉ doanh nghiệp Việt Nam.
- B. Chỉ cá nhân Việt Nam.
- C. Cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài thuộc phạm vi điều chỉnh và thực hiện hành vi vi phạm.
- D. Chỉ người khai hải quan.

Câu 55: Nhân viên doanh nghiệp nhập sai một ký tự trong mã số hàng hóa do sơ suất khi lập tờ khai. Trường hợp này:

- A. Luôn được xác định là lỗi cố ý.
- B. Có thể là lỗi vô ý tùy tình tiết cụ thể.
- C. Không bao giờ bị xử phạt vì không cố tình.
- D. Đương nhiên là tội phạm.

Câu 56: Phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm được xác định dựa trên sự kết hợp của yếu tố nào?

- A. Số lượng hàng hóa và mức thuế tuyệt đối.
- B. Trị giá tính thuế và thuế suất theo tỷ lệ phần trăm.
- C. Số lượng hàng hóa và tỷ giá hối đoái.
- D. Trọng lượng hàng hóa và đơn giá hàng hóa.

Câu 57: Phương pháp tính thuế tuyệt đối là:

- A. Ấn định một tỷ lệ phần trăm trên trị giá hàng hóa.
- B. Ấn định một số tiền thuế nhất định trên một đơn vị hàng hóa.
- C. Tính thuế bằng trị giá hàng hóa cộng thuế suất.
- D. Tính thuế bằng giá bán hàng hóa nhân tỷ giá.

Câu 58: Phương thức quản lý rủi ro trong quản lý thuế được hiểu là phương thức quản lý dựa trên:

- A. Kiểm tra toàn bộ người nộp thuế theo cùng một cách
- B. Thu thập, xử lý thông tin, xây dựng tiêu chí, đánh giá và phân loại mức độ rủi ro để lựa chọn biện pháp quản lý phù hợp
- C. Chỉ kiểm tra doanh nghiệp có doanh thu lớn
- D. Chỉ kiểm tra hàng hóa có thuế suất cao



Câu 59: Một doanh nghiệp có lịch sử chấp hành pháp luật tốt, hồ sơ khai báo đầy đủ và các chỉ tiêu rủi ro thấp. Theo phương thức quản lý rủi ro, cơ quan Hải quan có thể:

- A. Bắt buộc kiểm tra giống hệt doanh nghiệp có rủi ro cao
- B. Áp dụng mức độ kiểm tra phù hợp với mức độ rủi ro
- C. Không được kiểm tra doanh nghiệp này trong mọi trường hợp
- D. Chuyển doanh nghiệp sang cơ quan Thuế quản lý

Câu 60. Một lô hàng nhập khẩu có các thông tin:

- Trị giá tính thuế nhập khẩu: 1.000.000.000 đồng;
- Thuế nhập khẩu: 10%;
- Thuế TTĐB: 50%;
- Thuế BVMT: 20.000.000 đồng;
- Thuế GTGT: 10%.

Giá tính thuế GTGT là bao nhiêu?

- A. 1.000.000.000 đồng.
- B. 1.100.000.000 đồng.
- C. 1.650.000.000 đồng.
- D. 1.670.000.000 đồng.

Câu 61. Trình tự nào sau đây phù hợp với trình tự tổng quát xác định thuế GTGT đối với một lô hàng nhập khẩu thuộc diện chịu các sắc thuế liên quan?

- A. Thuế GTGT → thuế nhập khẩu → thuế TTĐB → trị giá tính thuế.
- B. Trị giá tính thuế nhập khẩu → thuế nhập khẩu → thuế TTĐB/BVMT nếu có → giá tính thuế GTGT → thuế GTGT.
- C. Thuế TTĐB → thuế GTGT → thuế nhập khẩu → trị giá hải quan.
- D. Thuế GTGT → trị giá hải quan → thuế nhập khẩu → thuế BVMT.

Câu 62: Căn cứ tính thuế bảo vệ môi trường gồm những yếu tố nào?

- A. Giá bán và doanh thu
- B. Giá nhập khẩu và tỷ giá hối đoái
- C. Số lượng hàng hóa tính thuế và mức thuế tuyệt đối
- D. Giá vốn và lợi nhuận



Câu 63: Doanh nghiệp A nhập khẩu 50.000 lít nhiên liệu bay. Hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế và không thuộc trường hợp không chịu thuế. Số lượng hàng hóa tính thuế là bao nhiêu?

- A. 5.000 lít
- B. 50.000 lít
- C. Chỉ số lượng hàng hóa thực tế bán ra
- D. Số lượng hàng hóa còn lại sau khi bán

Câu 64: Một doanh nghiệp có giá tính thuế TTĐB là 10 tỷ đồng, thuế suất TTĐB là 20%. Thuế TTĐB phải nộp theo phương pháp tỷ lệ phần trăm là:

- A. 500 triệu đồng.
- B. 1 tỷ đồng.
- C. 2 tỷ đồng.
- D. 12 tỷ đồng.

Câu 65: Một loại hàng hóa chịu thuế TTĐB có mức thuế tuyệt đối là 20.000 đồng/đơn vị. Doanh nghiệp có 10.000 đơn vị hàng hóa chịu thuế. Số thuế TTĐB phải nộp theo phương pháp tuyệt đối là:

- A. 20 triệu đồng.
- B. 100 triệu đồng.
- C. 200 triệu đồng.
- D. 2 tỷ đồng.

Câu 66: Công ty A nhập khẩu một lô máy móc và thuê một đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện việc khai báo. Nhận định nào sau đây đúng?

- A. Khi thuê đại lý, mọi trách nhiệm pháp lý của Công ty A chuyển hoàn toàn cho đại lý
- B. Công ty A không còn trách nhiệm về tính chính xác của chứng từ
- C. Đại lý trở thành người khai hải quan trong phạm vi thực hiện thủ tục, nhưng chủ hàng vẫn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ thuộc về mình
- D. Chỉ Công ty A mới có thể được xác định là người khai hải quan



Câu 67: Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan phải đáp ứng điều kiện nào sau đây?

- A. Chỉ cần là người lao động của doanh nghiệp đại lý
- B. Phải là công dân Việt Nam, có trình độ từ cao đẳng trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan và được cấp mã số nhân viên đại lý
- C. Chỉ cần có kinh nghiệm xuất nhập khẩu từ 01 năm
- D. Chỉ cần có chứng chỉ ngoại ngữ

Câu 68: Pháp luật xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan có thể được chia thành bao nhiêu nhóm lớn?

- A. 2 nhóm.
- B. 3 nhóm.
- C. 4 nhóm.
- D. 5 nhóm.

Câu 69: Doanh nghiệp khai báo đầy đủ một mặt hàng nhưng mặt hàng đó thuộc danh mục cấm nhập khẩu. Nhận định nào đúng?

- A. Khai báo đầy đủ nên việc nhập khẩu đương nhiên hợp pháp.
- B. Chỉ cần nộp đủ thuế là được nhập khẩu.
- C. Việc khai báo đầy đủ không làm cho hành vi nhập khẩu hàng cấm trở thành hợp pháp.
- D. Không có vi phạm nếu tờ khai hải quan được chấp nhận.

Câu 70: Doanh nghiệp nhập khẩu 12.000 kg hàng hóa, mức thuế tuyệt đối là 2 USD/kg. Số thuế phải nộp theo phương pháp tuyệt đối là bao nhiêu?

- A. 6.000 USD.
- B. 12.000 USD.
- C. 24.000 USD.
- D. 30.000 USD.

Câu 71: Hai lô hàng cùng loại có cùng số lượng 10.000 kg nhưng trị giá lần lượt là 100.000 USD và 150.000 USD. Nếu cả hai cùng chịu mức thuế tuyệt đối 2 USD/kg thì số thuế theo phương pháp tuyệt đối:

- A. Lô thứ nhất cao hơn.
- B. Lô thứ hai cao hơn.
- C. Hai lô bằng nhau.
- D. Không thể xác định.



Câu 72: Người nộp thuế có quyền nào sau đây?

- A. Được miễn mọi khoản thuế khi có yêu cầu
- B. Được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế
- C. Tự quyết định số thuế phải nộp mà không chịu kiểm tra
- D. Từ chối cung cấp mọi thông tin cho cơ quan quản lý thuế

Câu 73: Trong lĩnh vực hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, người nộp thuế có quyền yêu cầu cơ quan quản lý thuế giải thích về vấn đề nào sau đây?

- A. Chỉ về số tiền thuế
- B. Chỉ về thuế suất
- C. Việc tính thuế, ấn định thuế và xử lý về thuế
- D. Chỉ về thủ tục kiểm tra hàng hóa

Câu 74. Hàng hóa nhập khẩu không chịu thuế GTGT được hiểu là:

- A. Mọi hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu.
- B. Hàng hóa nhập khẩu có thuế suất GTGT 0%.
- C. Hàng hóa nhập khẩu thuộc một trong các trường hợp được Điều 5 Luật Thuế GTGT xác định là đối tượng không chịu thuế.
- D. Hàng hóa nhập khẩu có trị giá dưới mức tối thiểu chịu thuế.

Câu 75. Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Không chịu thuế GTGT và miễn thuế GTGT là hai khái niệm giống nhau.
- B. Hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu đương nhiên không chịu thuế GTGT.
- C. Hàng hóa không chịu thuế GTGT là hàng hóa không thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định pháp luật.
- D. Hàng hóa chịu thuế suất 0% là hàng hóa không chịu thuế GTGT.

Câu 76: Một hàng hóa không được quy định tại Điều 3 của Luật thuế bảo vệ môi trường thì được xác định như thế nào?

- A. Vẫn chịu thuế nếu gây ô nhiễm môi trường
- B. Chịu thuế với mức thuế thấp nhất
- C. Không thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường
- D. Chỉ không chịu thuế nếu được cơ quan thuế xác nhận



Câu 77: Một loại hàng hóa thuộc danh mục chịu thuế tại Điều 3 nhưng được vận chuyển quá cảnh qua Việt Nam theo quy định. Hàng hóa này:

- A. Vẫn phải nộp thuế bảo vệ môi trường
- B. Không chịu thuế bảo vệ môi trường
- C. Chỉ được miễn 50% số thuế phải nộp
- D. Chỉ chịu thuế nếu hàng hóa đi qua đường bộ

Câu 78: Đối với phương pháp tính thuế TTĐB theo tỷ lệ phần trăm, căn cứ tính thuế gồm:

- A. Số lượng hàng hóa và mức thuế tuyệt đối.
- B. Giá tính thuế và thuế suất.
- C. Doanh thu và chi phí sản xuất.
- D. Giá vốn và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Câu 79: Theo phương pháp tính thuế TTĐB tuyệt đối, số thuế phải nộp được xác định bằng:

- A. Giá tính thuế $\times$ Thuế suất.
- B. Doanh thu $\times$ Thuế suất.
- C. Lượng hàng hóa chịu thuế $\times$ Mức thuế tuyệt đối.
- D. Giá bán chưa có thuế $\times$ Mức thuế tuyệt đối.

Câu 80: Công chức Hải quan có nghĩa vụ nào sau đây?

- A. Được tự ý đặt thêm thủ tục nếu xét thấy cần thiết
- B. Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, quy trình nghiệp vụ hải quan và chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình
- C. Chỉ chịu trách nhiệm khi có thiệt hại về tài sản
- D. Được yêu cầu người khai cung cấp mọi giấy tờ mà công chức cho là cần thiết